



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG
ngày tháng năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Khoa Hoá sinh**

Medical Laboratory: **Biochemistry of Department**

Cơ quan chủ quản: **Bệnh viện Nhi đồng Thành phố**

Organization: **City Children's Hospital**

Lĩnh vực xét nghiệm: **Hoá sinh**

Field of medical testing: **Biochemistry**

Người phụ trách/ **Võ Minh Hiên**

Representative: **Vo Minh Hien**

Số hiệu/ Code: **VILAS Med 142**

Chuẩn mực công nhận/
Accreditation criteria: **ISO 15189:2022**

Hiệu lực/ Validation: từ ngày / /2026 đến ngày 10/9/2029

Địa chỉ/ Address: **Số 15 đường Võ Trần Chí, ấp 18, xã Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh**
No.15, Vo Tran Tri Street, Hamlet 18, Tan Nhut Commune, Ho Chi Minh City

Địa điểm/ Location: **Số 15 đường Võ Trần Chí, ấp 18, xã Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh**
No.15, Vo Tran Tri Street, Hamlet 18, Tan Nhut Commune, Ho Chi Minh City

Điện thoại/ Tel: **028 2253 6688**

Email: **bsvominhvien@gmail.com**

Website: **www.bvndtp.org.vn**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 142

Lĩnh vực xét nghiệm: Hoá sinh

Discipline of medical testing: Biochemistry

STT No	Loại mẫu (chất chống đông) <i>Type of sample anticoagulant (if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>(The name of medical tests)</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>Principle/ Technical test</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>(Test method)</i>
1.	Huyết tương Plasma (Lithium Heparin)	Định lượng ALT <i>Determination of AST</i>	Động học enzym <i>Enzym kenetique</i>	QTKT.HS.XN.02 [3.0] (AU680)
2.		Định lượng AST <i>Determination of ALT</i>		QTKT.HS.XN.01 [3.0] (AU680)
3.		Định lượng Billirubin trực tiếp <i>Determination of direct Billirubine</i>	Đo quang <i>Photometric</i>	QTKT.HS.XN.05 [4.0] (AU680)
4.		Định lượng Billirubin toàn phần <i>Determination of total Billirubine</i>		QTKT.HS.XN.04 [3.0] (AU680)
5.		Định lượng Ure <i>Determination of Urea</i>		QTKT.HS.XN.08 [3.0] (AU680)
6.		Định lượng Creatinin <i>Determination of Creatinine</i>		QTKT.HS.XN.06 [3.0] (AU680)

Ghi chú/ Note:

- QTKT.HS.XN ...: Phương pháp nội bộ của PXN/ *Method of Laboratory Developed*
- Trường hợp Khoa hoá sinh cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Biochemistry department that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*